

Số: 48/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2026/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị L**, sinh năm 2000; Nơi cư trú: **Tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên**.

- Bị đơn: Anh **Triệu Đình C**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: **Tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Triệu Thị L** và anh **Triệu Đình C**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Triệu Thị L** và anh **Triệu Đình C** thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị **Triệu Thị L** và anh **Triệu Đình C** có 01 con chung là **Triệu Đình N**, sinh ngày 27/7/2023, hiện nay con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau ly hôn, anh **Triệu Đình C** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh **Triệu Đình C** không yêu cầu chị **Triệu Thị L** cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị **Triệu Thị L** tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **Triệu Thị L** đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0001395 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị **Triệu Thị L** được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (02b);
- VKSND KV6 – Thái Nguyên (3b);
- UBND phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT) (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Tiến Đại**